

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

CBGD Hà Thị Thảo Trâm (617)

Số bài: 63 Số tờ: 54 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Th.S. NGÔ THIÊN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Xác suất thống kê (202121-27)

CBGD Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đệm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10212032	TRẦN THẾ NHÂN			✓	1
34	10212033	TRẦN QUAN NHỆ	1	<i>nhệ</i>	5	2
35	10212034	HOÀNG ĐẠI NHON	1	<i>Đa</i>	4	3
36	10212035	PHAN THÁI PHÚC			✓	4
37	10212036	TRẦN HOÀNG PHƯỚC	1	<i>phuc</i>	5	5
38	10212037	PHẠM NGÔ ANH QUÂN			✓	6
39	10212038	NGUYỄN PHÚ QUÍ			✓	7
40	10212039	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	1	<i>Như</i>	3	8
41	10212040	TRƯƠNG HOÀNG SANG	1	<i>S</i>	3	9
42	10212041	NGUYỄN ĐỨC SINH	1	<i>Sinh</i>	8	10
43	10212042	TRƯƠNG VĂN SƠN	1	<i>Trương Văn Sơn</i>	7	11
44	10212043	NGUYỄN TRƯƠNG DUY TÂN	1	<i>Duy Tân</i>	5	12
45	10212044	TRẦN MINH TÂN	1	<i>Minh Tân</i>	3	13
46	10212045	NGUYỄN DUY THANH			✓	14
47	10212046	LÙ QUANG THÀNH	1	<i>Thành</i>	3	15
48	10212047	DIỆP QUANG THÀNH	1	<i>Thành</i>	9	16
49	10212048	LA QUANG THỊNH	1	<i>Thịnh</i>	3	17
50	10212049	NGUYỄN XUÂN THỊNH	1	<i>Xuân Thịnh</i>	3	18
51	10212050	NGUYỄN THUẬN	1	<i>Thuận</i>	3	19
52	10212051	NGÔ QUỐC THUẬN	1	<i>Quốc Thuận</i>	3	20
53	10212052	PHẠM QUANG THƯỚC	1	<i>Phạm Quang Thước</i>	5	21
54	10212053	NGUYỄN THÀNH THƯƠNG			✓	22
55	10212055	BUI NHẬT TIẾN	1	<i>Nhật Tiến</i>	6	23
56	10212054	ĐỖ NGỌC TIẾN	1	<i>Đỗ Ngọc Tiến</i>	5	24
57	10212065	VÕ ĐỨC TOÀN	1	<i>Võ Đức Toàn</i>	4	25
58	10212056	VĂN QUỐC TRÂM	1	<i>Văn Quốc Trâm</i>	3	26
59	10212057	THÁI TRỌNG TRÍ	1	<i>Thái Trọng Trí</i>	3	27
60	10212066	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	1	<i>Tuyết Trinh</i>	5	28
61	10212058	HUỲNH VĂN TUÂN	1	<i>Huỳnh Văn Tuấn</i>	3	29
62	10212059	NGUYỄN KHÁNH VĂN	1	<i>Nhân</i>	6	30
63	10212060	TRẦN XUÂN VINH	1	<i>Trần Xuân Vinh</i>	3	31
64	10212061	TRẦN XUÂN VƯƠNG			✓	32

Số bài: 53

Số tờ: 54

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 11 năm 2012

Đỗ Ngọc Thuận
Trần Lê Thị Minh Trâm

Khách

Hà Thị Thảo Trâm
HÀ THỊ THẢO TRÂM



Mã nhận dạng

03551

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học: Xác suất thống kê (202121-27)

CBGD: Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	10212062	LÊ MINH	XUYỀN	1	4	1
66	10212063	TRẦN NHƯ	Ý		✓	2
3						3
4						4
5						5
6						6
7						7
8						8
9						9
10						10
11						11
12						12
13						13
14						14
15						15
16						16
17						17
18						18
19						19
20						20
21						21
22						22
23						23
24						24
25						25
26						26
27						27
28						28
29						29
30						30
31						31
32						32

Số bài: 53

Số tờ: 54

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 11 năm 2022

Đoàn Ngọc Thuận
Trần Lê Thị Minh Trâm

Haich
Hà Thị Thảo Trâm
Th.S. NGÔ THIÊN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác-Lênin (200106-36)

CBGD Võ Thị Hồng (112)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tổ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ điểm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10212001	NGUYỄN TUẤN	ANH	1	Bảy	1
2	10212002	TU YẾN	ANH	1	Tám	2
3	10212003	PHẠM THANH	BÌNH	1	Bảy	3
4	10212005	NGUYỄN QUANG	CHÍNH	1	Tám	4
5	10212004	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	1	Sáu	5
6	10212006	NGUYỄN VĂN	DŨNG	1	Bảy	6
7	10212007	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	DUY	1	Bảy	7
8	10212064	BAN VĂN	ĐẠT	1	Năm	8
9	10212008	PHẠM ANH	ĐỨC	1	Sáu	9
10	10212009	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	HẠNH	1	Một	10
11	10212010	NGUYỄN THÁI	HÀU	1	Bảy	11
12	10212011	BÙI HỒ ANH	HIẾU	1	Sáu	12
13	10212012	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	1	Tám	13
14	10212013	NGUYỄN BẢO	HOÀI	1	Bảy	14
15	10212014	PHẠM SỸ	HOÀNG	1	Bảy	15
16	10212015	TRẦN ĐÌNH	HOÀNG	1	Sáu	16
17	10212016	TRỊNH MINH	HOÀNG	1	Sáu	17
18	10212017	PHẠM CÔNG TUẤN	HÙNG	1	Bảy	18
19	10212018	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG			19
20	10212019	NGUYỄN QUỐC	HƯƠNG	1	Sáu	20
21	10212020	NGUYỄN MINH	KHỐT			21
22	10212021	NGUYỄN THỊ MỸ	LIÊN	1	Sáu	22
23	10212022	BÈU THỊ	LOAN			23
24	10212023	NGUYỄN NHƯ	LỘC	1	Tám	24
25	10212024	NGUYỄN TẤN	LỘC	1	Bảy	25
26	10212025	TRẦN DUY	LỘC			26
27	10212026	ĐỖ KIM	MINH	1	Bảy	27
28	10212027	NGUYỄN ĐỨC	MINH	1	Sáu	28
29	10212028	PHAN LÊ NHẬT	MINH	1	Sáu	29
30	10212029	PHẠM THỊ BÍCH	NGÂN	1	Bảy	30
31	10212030	BÙI THỊ NHƯ	NGUYỆT	1	Tám	31
32	10212031	MAI THÀNH	NHÂN			32

Số bài: 54

Số tờ: 54

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 12 năm

Thưc
Đoàn Ngọc Thuận
Thưc
Lê-T. Minh Truc

Ths. NGUYỄN Y. TRON

2012

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

CBGD Võ Thị Hồng (112)

Số bài: 54 Số tờ: 54 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 16 tháng 03 năm 2016

Thư Ông Ng. Thuận
Ông L. T. Minh Trú

NGUYỄN VĂN TRON

2542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-36)

CBGD Võ Thị Hồng (112)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	XUẤT	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	10212062	LÊ MINH	XUYỀN	1	<i>[Signature]</i>		1 ☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
66	10212063	TRẦN NHƯ	Ý			/	2 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							3 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							4 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							5 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							6 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							7 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							8 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							9 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							10 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							11 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							12 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							13 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							14 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							15 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							16 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							17 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							18 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							19 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							20 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							21 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							22 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							23 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							24 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							25 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							26 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							27 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							28 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							29 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							30 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							31 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
							32 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số bài: 54

Số tờ: 54

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 03 năm 2012

[Signature] Đoàn Ngọc Thuận

[Signature] TRẦN VĂN TRỌNG

[Signature] Lê T. Minh Trí

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bắc sĩ Thú Y)

Môn Học Anh văn 2** (213502-29)

CBGD Nguyễn Thanh Dung (T374)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10212001	NGUYỄN TUẤN	ANH		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10212002	TỬ YẾN	ANH		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10212003	PHẠM THANH	BÌNH		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10212005	NGUYỄN QUANG	CHÍNH		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10212004	NGUYỄN THÀNH	CÔNG		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10212006	NGUYỄN VĂN	DŨNG		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10212007	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	DUY		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10212064	BAN VĂN	ĐẠT		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10212008	PHẠM ANH	ĐỨC		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10212009	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	HẠNH		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10212010	NGUYỄN THÁI	HẬU		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10212011	BÙI HỒ ANH	HIẾU		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10212012	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10212013	NGUYỄN BẢO	HOÀI		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10212014	PHẠM SỸ	HOÀNG		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10212015	TRẦN DÌNH	HOÀNG		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10212016	TRỊNH MINH	HOÀNG		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10212017	PHẠM CÔNG TUẤN	HÙNG		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10212018	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10212019	NGUYỄN QUỐC	HƯƠNG		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10212020	NGUYỄN MINH	KHOI		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10212021	NGUYỄN THỊ MỸ	LIÊN		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10212022	BÙI THỊ	LOAN		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10212023	NGUYỄN NHƯ	LỘC		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10212024	NGUYỄN TÂN	LỘC		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10212025	TRẦN DUY	LỘC		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10212026	ĐỖ KIM	MINH		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10212027	NGUYỄN ĐỨC	MINH		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10212028	PHAN LÊ NHẬT	MINH		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10212029	PHẠM THỊ BÍCH	NGÂN		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10212030	BÙI THỊ NHƯ	NGUYỆT		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10212031	MẠI THÀNH	NHÂN		10	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 54

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 27 tháng 3

năm 2012

Trần Ngọc Thuận

Lê T. Minh Trúc

Nguyễn Thanh Dung

Nguyễn Thị Mỹ

Nguyễn Thanh Dung

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học

Anh văn 2** (213602-29)

CBGD

Nguyễn Thanh Dung (T374)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	NHÂN	S.TỜ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10212032	TRẦN THẾ	NHÂN		<i>Thế</i>	Sau	1 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
34	10212033	TRẦN QUAN	NHÊ		<i>Quan</i>	năm	2 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
35	10212034	HOÀNG ĐẠI	NHƠN		<i>Đại</i>	Sau	3 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
36	10212035	PHAN THÁI	PHÚC				4 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
37	10212036	TRẦN HOÀNG	PHƯỚC		<i>Hoàng</i>	Sau	5 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
38	10212037	PHẠM NGÔ ANH	QUÂN				6 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
39	10212038	NGUYỄN PHÚ	QUÍ				7 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
40	10212039	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH		<i>Như</i>	Sau	8 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
41	10212040	TRƯƠNG HOÀNG	SANG		<i>Sang</i>	tam	9 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
42	10212041	NGUYỄN ĐỨC	SINH		<i>Đức</i>	Sau	10 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
43	10212042	TRƯƠNG VĂN	SƠN		<i>Văn</i>	Sau	11 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
44	10212043	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	TÂN		<i>Trường</i>	năm	12 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
45	10212044	TRẦN MINH	TÂN		<i>Minh</i>	Sau	13 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
46	10212045	NGUYỄN ĐUY	THÀNH				14 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
47	10212046	LÙ QUANG	THÀNH		<i>Quang</i>	năm	15 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
48	10212047	DIỆP QUANG	THÀNH		<i>Diệp</i>	Sau	16 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
49	10212048	LA QUANG	THỊNH		<i>Quang</i>	Sau	17 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
50	10212049	NGUYỄN XUÂN	THỊNH		<i>Xuân</i>	Sau	18 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
51	10212050	NGUYỄN	THUẬN		<i>Nguyễn</i>	Sau	19 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
52	10212051	NGÔ QUỐC	THUẬN		<i>Quốc</i>	Sau	20 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
53	10212052	PHẠM QUANG	THUỘC		<i>Phạm</i>	tam	21 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
54	10212053	NGUYỄN THÀNH	THƯƠNG				22 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
55	10212055	BÙI NHẬT	TIẾN		<i>Nhật</i>	năm	23 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
56	10212054	ĐỖ NGỌC	TIẾN		<i>Ngọc</i>	năm	24 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
57	10212065	VÕ ĐỨC	TOÀN		<i>Đức</i>	Sau	25 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
58	10212056	VĂN QUỐC	TRÂM		<i>Văn</i>	Sau	26 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
59	10212057	THÁI TRỌNG	TRÍ		<i>Thái</i>	năm	27 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
60	10212066	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRÌNH		<i>Tuyết</i>	Sau	28 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
61	10212058	HUYỀN VĂN	TUẤN		<i>Huyền</i>	Sau	29 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
62	10212059	NGUYỄN KHÁNH	VĂN		<i>Khánh</i>	năm	30 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
63	10212060	TRẦN XUÂN	VINH		<i>Xuân</i>	năm	31 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩
64	10212061	TRẦN XUÂN	VƯƠNG				32 ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩

Số bài: 54

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 27 tháng 3

năm 2011

Đoàn Ngọc Thuận
Phạm Lê T. Minh Trúc

Nguyễn Thanh Dung
Tạ Mỹ Nga

Nguyễn Thanh Dung

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học

Anh văn 2** (213602-29)

CBGD

Nguyễn Thanh Dung (T374)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	10212062	LÊ MINH	XUYỀN			1
66	10212063	TRẦN NHƯ	Y			2
						3
						4
						5
						6
						7
						8
						9
						10
						11
						12
						13
						14
						15
						16
						17
						18
						19
						20
						21
						22
						23
						24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Sinh học động vật (202413-04)

CBGD Huỳnh Tiến Dũng (513)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10212001	NGUYỄN TUẤN ANH			6	1
2	10212002	TỬ YẾN ANH			8	2
3	10212003	PHẠM THANH BÌNH			5	3
4	10212005	NGUYỄN QUANG CHÍNH			7	4
5	10212004	NGUYỄN THÀNH CÔNG			6	5
6	10212006	NGUYỄN VĂN DŨNG			5	6
7	10212007	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC DUY			6	7
8	10212064	BAN VĂN ĐẠT			6	8
9	10212008	PHẠM ANH ĐỨC			6	9
10	10212009	NGUYỄN THỊ NGUYỄN HẠNH			5	10
11	10212010	NGUYỄN THÁI HẬU			7	11
12	10212011	BÙI HỒ ANH HIẾU			7	12
13	10212012	NGUYỄN TRỌNG HIẾU			7	13
14	10212013	NGUYỄN BẢO HOÀI			8	14
15	10212014	PHẠM SỸ HOÀNG			7	15
16	10212015	TRẦN ĐÌNH HOÀNG			5	16
17	10212016	TRỊNH MINH HOÀNG			5	17
18	10212017	PHẠM CÔNG TUẤN HÙNG			5	18
19	10212018	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG			✓	19
20	10212019	NGUYỄN QUỐC HƯƠNG			7	20
21	10212020	NGUYỄN MINH KHÔI			✓	21
22	10212021	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊN			8	22
23	10212022	BÙI-THỊ LOAN			✓	23
24	10212023	NGUYỄN NHƯ LỘC			8	24
25	10212024	NGUYỄN TẤN LỘC			7	25
26	10212025	TRẦN DUY LỘC			✓	26
27	10212026	ĐỖ KIM MINH			5	27
28	10212027	NGUYỄN ĐỨC MINH			7	28
29	10212028	PHAN LÊ NHẬT MINH			7	29
30	10212029	PHẠM THỊ BÍCH NGÂN			7	30
31	10212030	BÙI THỊ NHƯ NGUYỆT			6	31
32	10212031	MAI THÀNH NHÂN			✓	32

Số bài: 53

Số tờ: 53

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 03 năm 12

Huỳnh Tiến Dũng

Lê Ngọc Thông

Nguyễn Văn Đạt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Sinh học động vật (202413-04)

CBGD Huỳnh Tiến Dũng (513)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10212032	TRẦN THẾ	NHÂN	<i>Chanh</i>	5	1
34	10212033	TRẦN QUAN	NHE	<i>Nhe</i>	7	2
35	10212034	HOÀNG ĐẠT	NHON	<i>Đạt</i>	7	3
36	10212035	PHAN THẮT	PHÚC		✓	4
37	10212036	TRẦN HOÀNG	PHƯỚC	<i>Phuoc</i>	6	5
38	10212037	PHẠM NGÔ ANH	QUÂN		✓	6
39	10212038	NGUYỄN PHÚ	QUÍ		✓	7
40	10212039	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	<i>Nhu</i>	7	8
41	10212040	TRƯƠNG HOÀNG	SANG	<i>Sang</i>	6	9
42	10212041	NGUYỄN ĐỨC	SINH	<i>Sinh</i>	6	10
43	10212042	TRƯƠNG VĂN	SƠN	<i>Son</i>	6	11
44	10212043	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	TÂN	<i>Tan</i>	8	12
45	10212044	TRẦN MINH	TÂN	<i>Minh</i>	8	13
46	10212045	NGUYỄN DUY	THÀNH		✓	14
47	10212046	LÙ QUANG	THÀNH	<i>Luc</i>	6	15
48	10212047	DIỆP QUANG	THÀNH	<i>Thuan</i>	5	16
49	10212048	LA QUANG	THỊNH	<i>Thinh</i>	6	17
50	10212049	NGUYỄN XUÂN	THỊNH	<i>Xuan</i>	6	18
51	10212050	NGUYỄN	THUẬN	<i>Thuan</i>	5	19
52	10212051	NGÔ QUỐC	THUẬN	<i>Ngoc</i>	6	20
53	10212052	PHẠM QUANG	THƯỚC	<i>Pham</i>	6	21
54	10212053	NGUYỄN THÀNH	THƯƠNG		✓	22
55	10212055	BÙI NHẬT	TIẾN	<i>Nhat</i>	7	23
56	10212054	ĐỖ NGỌC	TIẾN	<i>Ngoc</i>	7	24
57	10212065	VÕ ĐỨC	TOÀN		✓	25
58	10212056	VĂN QUỐC	TRÂM	<i>Van</i>	8	26
59	10212057	THÁI TRỌNG	TRÍ	<i>Thai</i>	6	27
60	10212066	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	<i>Tuyet</i>	5	28
61	10212058	HUYNH VĂN	TUẤN	<i>Huan</i>	5	29
62	10212059	NGUYỄN KHÁNH	VĂN	<i>Khánh</i>	6	30
63	10212060	TRẦN XUÂN	VINH	<i>Xuan</i>	6	31
64	10212061	TRẦN XUÂN	VƯƠNG		✓	32

Số bài: 53

Số tờ: 53

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 03 năm 12

Trần Lê T. Minh Trúc

Thuan

Thuan

Huỳnh Tiến Dũng

Trần Văn Ngọc Thuận

Lê Ngọc Thuận

Huỳnh Tiến Dũng

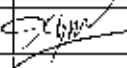
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Sinh học động vật (202413-04)

CBGD Huỳnh Tiến Dũng (513)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	10212062	LÊ MINH XUYẾN			5	1 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☒ ☐ ☐ ☐ ☐
66	10212063	TRẦN NHƯ Ý			1	2 ☒ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						3 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						4 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						5 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						6 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						7 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						8 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						9 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						10 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						11 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						12 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						13 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						14 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						15 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						16 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						17 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						18 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						19 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						20 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						21 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						22 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						23 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						24 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						25 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						26 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						27 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						28 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						29 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						30 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						31 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
						32 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Số bài: 53

Số tờ: 53

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 03 năm 12

Thư Lê T. Minh Quốc

Thư Sơn Ngọc Thuận

Thư

Lê Ngọc Thuận

Thư

Thư Tuấn Dũng

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Đảng Thành Danh (512)

пăт 12

~~Đuẩn~~ Đuẩn Ngạc Thuận
~~Đuẩn~~ Lê T. Minh Trục

Upl. Dg. Hirt/Dahr

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Toán cao cấp B2 (202113-03)

CBGD Đặng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10212032	TRẦN THẾ NHÂN	1		2	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
34	10212033	TRẦN QUAN NHỆ	1		3	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
35	10212034	HOÀNG ĐẠI NHON	1		7	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
36	10212035	PHAN THÁI PHÚC			✓	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
37	10212036	TRẦN HOÀNG PHƯỚC	1		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
38	10212037	PHẠM NGÔ ANH QUÂN			✓	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
39	10212038	NGUYỄN PHÚ QUÍ			✓	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
40	10212039	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	1		8	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
41	10212040	TRƯƠNG HOÀNG SANG	2		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
42	10212041	NGUYỄN ĐỨC SINH	1		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
43	10212042	TRƯƠNG VĂN SƠN	1		2	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
44	10212043	NGUYỄN TRƯỜNG DUY TÂN	1		8	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
45	10212044	TRẦN MINH TÂN	1		7	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
46	10212045	NGUYỄN DUY THANH			✓	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
47	10212046	LÙ QUANG THÀNH	1		7	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
48	10212047	DIỆP QUANG THANH	1		8	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
49	10212048	LA QUANG THỊNH	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
50	10212049	NGUYỄN XUÂN THỊNH	1		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
51	10212050	NGUYỄN THUẦN	1		3	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
52	10212051	NGÔ QUỐC THUẬN	1		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
53	10212052	PHẠM QUANG THUỘC	2		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
54	10212053	NGUYỄN THÀNH THƯƠNG			✓	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
55	10212055	BÙI NHẬT TIẾN	2		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
56	10212054	ĐỖ NGỌC TIẾN	1		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
57	10212065	VÕ ĐỨC TOÀN			✓	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
58	10212056	VĂN QUỐC TRÂM	1		7	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
59	10212057	THÁI TRỌNG TRÍ	1		7	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
60	10212066	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
61	10212058	HUỲNH VĂN TUẤN	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
62	10212059	NGUYỄN KHÁNH VÂN			✓	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
63	10212060	TRẦN XUÂN VINH	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
64	10212061	TRẦN XUÂN VƯƠNG			✓	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32

Số bài: 52

Số tờ: 67

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 01 tháng 03 năm 2020



Mã nhận dạng

03550

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học: Toán cao cấp B2 (202113-03)

CBGD: Đặng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ chấm vòng tròn cho điểm nguyên															
65	10212062	LÊ MINH XUYỀN	1.		5	1	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
66	10212063	TRẦN NHƯ Ý			V	2	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3						3	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4						4	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
5						5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
6						6	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
7						7	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
8						8	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
9						9	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
10						10	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
11						11	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
12						12	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
13						13	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
14						14	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
15						15	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
16						16	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
17						17	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
18						18	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
19						19	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
20						20	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
21						21	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
22						22	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
23						23	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
24						24	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
25						25	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
26						26	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
27						27	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
28						28	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
29						29	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
30						30	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
31						31	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
32						32	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Số bài: 52

Số tờ: 57

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 01 tháng 01 năm 12

Đặng Ngọc Tuấn

Lê T. Minh Trúc

Đặng Thành Danh